TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 9 - 2019
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Dương Văn Hôm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Chí Bền
2. Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2019. Giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Kim H, sinh năm: 1995; địa chỉ cư trú: Ấp Hòa Phú, xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1989; địa chỉ cư trú: Ấp Hòa Phú, xã Hòa Hưng, Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Kim H trình bày:

Chị và Anh Nguyễn Văn T tự tìm hiểu quen biết nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp tánh tình, bất đồng quan điểm thường xuyên cự cải với nhau, Anh T còn đánh đập chị. Mặc dù đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và Anh T đã sống ly thân với nhau từ tháng 05/2019 đến nay.

Trong quá trình chung anh, chị có một con chung tên Nguyễn Tấn Phát, sinh ngày 25/8/2014. Hiện nay con đang chung sống với Chị H.

Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nay Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị ly hôn với Anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tấn Phát, sinh ngày 25/8/2014, không yêu cầu Anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai ngày 02/7/2019, quá trình giải quyết vụ án Anh T trình bày: Anh xác định lời trình bày của Chị H về hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung là đúng. Nhưng về mâu thuẫn vợ chồng là không đúng, vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì lớn dẫn đến vợ chồng phải ly hôn.

Nay Chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh thì anh không đồng ý, anh còn thương vợ con và xin được đoàn tụ chung sống với Chị H.

Về con chung, tài sản và nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng và nội dung của Tòa án như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán chấp hành các quy định về thụ lý vụ án, về thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng theo quy định, đối với người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bảo đảm quyền lợi của các bên đương sự.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu của Chị H về việc xin ly hôn với Anh T. Về tài sản và nợ chung Chị H và Anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về con chung: Giao con Nguyễn Tấn Phát, sinh ngày 25/8/2014 Chị H nuôi dưỡng, Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên không giải quyết.

Về án phí: Buộc Chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Kim H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với Anh Nguyễn Văn T nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – xin ly hôn, nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt Anh T theo quy định tại điểm b khoản 02 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Xét về hôn nhân: Chị H và Anh T chung sống với nhau vào năm 2013, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn

theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 94 ngày 05/9/2016. Do vậy việc kết hôn của anh, chị đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Do đó khi có yêu cầu ly hôn Toà án áp dụng luật Hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét về mâu thuẫn giữa Chị H và Anh T, lúc đầu chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống mà các cặp vợ chồng thường mắc phải, Hội đồng xét xử thấy rằng chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trong gia đình mà anh, chị không tìm hiểu nguyên nhân từ đâu để vợ chồng cùng nhau tìm cách dàn xếp, khắc phục, tháo gỡ những mâu thuẫn, cùng nhau làm ăn chăm lo tương lai cho con của anh, chị sau này mới phải. Nhưng ở đây anh, chị đã không làm được điều đó mà để cho mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng cho đến nay, đẫn đến Chị H khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với Anh T. Từ khi thụ lý vụ kiện Tòa án tiến hành mời hai bên hòa giải động viên anh, chị bỏ qua những mâu thuẫn nhỏ để tiếp tục đoàn tụ chung sống với nhau, Anh T không đồng ý ly hôn và xin được đoàn tụ về chung sống với Chị H nhưng Chị H cương quyết xin ly hôn vì chị cho rằng Anh T thường hay đánh đập chị dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không được hạnh phúc.

Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống giữa anh, chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn kéo dài mà không thể tự hòa giải với nhau, đồng thời anh, chị có thời gian khắc phục mẫu thuẫn, nhưng không có kết quả. Nay Chị H cương quyết xin ly hôn chứ không đồng ý tiếp tục chung sống với Anh T. Từ những cơ sở nhận định và phân tích trên cho thấy mâu thuẫn giữa Chị H và Anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục chung sống sẽ không có hạnh phúc. Do đó, Chị H yêu cầu được ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

- Về con chung: Chị H và Anh T xác định anh, chị có một con chung tên Nguyễn Tấn Phát, sinh ngày 25/8/2014. Hiện con do Chị H nuôi dưỡng.

Trong quá trình giải quyết vụ án Chị H yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con và không yêu cầu Anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Còn Anh T không đồng ý ly hôn và không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản và nợ chung.

Xét yêu cầu nuôi con của Chị H là có cơ sở chấp nhận- Bỡi lẽ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Xét thấy, dưới sự chăm sóc, giáo dục của Chị H hiện nay cháu Phát đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường. Chị H cũng có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Mặc khác, từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay con do Chị H chăm sóc và nuôi dưỡng, xét về mặt tâm lý thì tình cảm của con gần gũi và mến mẹ nhiều hơn, sự tận tụy, chu đáo chăm sóc yêu thương của người mẹ sẽ đảm bảo cho sự phát triển của con nhiều hơn về mọi mặt, cháu Phát chung sống với mẹ sẽ thuận tiện hơn khi cháu trưởng thành về tâm sinh lý sau này. Do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên

giao cháu Phát cho Chị H tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Nếu sau này Anh T xét thấy Chị H không chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phát được tốt thì Anh T có thể khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin thay đổi quyền nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Chị H và Anh T xác định Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H yêu cầu xin ly hôn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng và nội dung của Tòa án như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán chấp hành các quy định về thụ lý vụ án, về thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng theo quy định, đối với người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bảo đảm quyền lợi của các bên đương sự.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu của Chị H về việc xin ly hôn với Anh T. Về tài sản và nợ chung Chị H và Anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về con chung: Giao con Nguyễn Tấn Phát, sinh ngày 25/8/2014 Chị H nuôi dưỡng, Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên không giải quyết.

Về án phí: Buộc Chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 02 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 01 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Kim H và Anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con Nguyễn Tấn Phát, sinh ngày 25/8/2014 cho chị Trần Kim H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Anh Nguyễn Văn T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí**:** Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn Chị H phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị H đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001340 ngày 20/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/9/2019, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

Dương Văn Hôm